

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị D - Sinh năm: 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn Pháp Ngõ, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn*: Anh Bùi Văn D - Sinh năm: 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn Đồng Mục, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị Đỗ Thị D và bị đơn, anh Bùi Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thoả thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

* *Về con chung*: Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Bùi Đức D (Giới tính: Nam), sinh ngày 14/8/2010; Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có ý kiến chung thống nhất và theo nguyện vọng của cháu Duy, là: Giao cháu Bùi Đức D cho chị Đỗ Thị D (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bùi Đức D thành niên (đủ 18 tuổi); Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị Duyên và anh Du tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh Bùi Văn D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản anh Du thực hiện quyền này.

Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác:* Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Chị Đỗ Thị D và anh Bùi Văn D đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Chị Đỗ Thị D chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng chị Duyên đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 00060134, ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị Đỗ Thị D 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Anh Bùi Văn D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Vĩnh Hòa,
huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn